

## TỔNG HỢP TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ NĂM 2023

### Cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVR ngày tháng 5 năm 2024 của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lưu vực Sông Đà</b>	<b>37,323.617</b>	<b>31,431.623</b>	<b>19,998,284,720</b>	<b>11,201,808,275</b>	<b>8,796,476,445</b>	
1	Xã Mường Mươn	4,395.642	3,730.705	2,384,489,144	1,336,500,996	1,047,988,148	
2	Xã Na Sang	2,563.194	2,160.230	1,374,636,532	770,724,120	603,912,412	
3	Thị trấn Mường Chà	1,003.985	796.840	506,472,300	286,072,688	220,399,612	
4	Xã Ma Thì Hồ	2,624.127	2,164.190	1,381,033,864	716,494,404	664,539,460	
5	Xã Sa Lông	3,558.595	2,994.590	1,903,364,400	1,064,816,589	838,547,811	
6	Xã Huổi Lèng	3,989.473	3,279.620	2,084,529,751	1,190,554,101	893,975,650	
7	Xã Mường Tùng	6,462.233	5,476.947	3,481,153,303	1,986,067,992	1,495,085,311	
8	Xã Sá Tổng	3,225.692	2,726.240	1,732,800,869	967,402,539	765,398,330	
9	Xã Pa Ham	697.056	590.330	375,214,339	207,748,149	167,466,190	
10	Xã Nậm Nèn	1,301.533	1,072.940	681,961,736	391,109,412	290,852,324	
11	Xã Hừa Ngải	183.908	154.800	98,391,034	57,232,785	41,158,249	
12	Ban QLPH huyện Mường Chà	7,318.180	6,284.190	3,994,237,448	2,227,084,500	1,767,152,948	
<b>II</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Trung Thu</b>	<b>20,900.348</b>	<b>17,585.605</b>	<b>1,132,210,448</b>		<b>1,132,210,448</b>	
1	Xã Mường Mươn	4,395.642	3,730.705	241,097,132		241,097,132	
2	Xã Na Sang	2,563.194	2,160.230	138,990,327		138,990,327	
3	Thị trấn Mường Chà	1,003.985	796.840	51,209,721		51,209,721	
4	Xã Ma Thì Hồ	2,330.248	1,913.820	123,546,888		123,546,888	
5	Xã Sa Lông	3,542.083	2,981.210	191,590,438		191,590,438	
6	Xã Sá Tổng	844.180	701.390	45,075,529		45,075,529	
7	Xã Pa Ham	697.056	590.330	37,938,148		37,938,148	
8	Xã Nậm Nèn	1,301.533	1,072.940	68,953,561		68,953,561	
9	Xã Hừa Ngải	183.908	154.800	9,948,376		9,948,376	
10	Ban QLPH huyện Mường Chà	4,038.520	3,483.340	223,860,328		223,860,328	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
<b>III</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Nậm Múc</b>	<b>13,152.232</b>	<b>11,003.425</b>	<b>1,523,567,368</b>		<b>1,523,567,368</b>	
1	Xã Mường Mươn	4,395.642	3,730.705	517,946,537		517,946,537	
2	Xã Na Sang	2,563.194	2,160.230	298,591,521		298,591,521	
3	Thị trấn Mường Chà	1,003.985	796.840	110,013,324		110,013,324	
4	Xã Ma Thì Hồ	2,330.248	1,913.820	265,414,531		265,414,531	
5	Xã Sa Lông	2,734.420	2,295.940	316,982,070		316,982,070	
6	Xã Nậm Nèn	124.743	105.890	14,619,385		14,619,385	
<b>IV</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Long Tạo</b>	<b>13,027.489</b>	<b>10,897.535</b>	<b>1,638,101,863</b>		<b>1,638,101,863</b>	
1	Xã Mường Mươn	4,395.642	3,730.705	562,278,628		562,278,628	
2	Xã Na Sang	2,563.194	2,160.230	324,148,563		324,148,563	
3	Thị trấn Mường Chà	1,003.985	796.840	119,429,582		119,429,582	
4	Xã Ma Thì Hồ	2,330.248	1,913.820	288,131,898		288,131,898	
5	Xã Sa Lông	2,734.420	2,295.940	344,113,192		344,113,192	
<b>V</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Huổi Vang</b>	<b>4,982.238</b>	<b>4,105.740</b>	<b>265,361,636</b>		<b>265,361,636</b>	
1	Xã Mường Mươn	1,908.942	1,586.090	102,860,253		102,860,253	
2	Xã Na Sang	743.048	605.830	38,939,117		38,939,117	
3	Xã Ma Thì Hồ	2,330.248	1,913.820	123,562,266		123,562,266	
<b>VI</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Huổi Chan 1</b>	<b>4,271.411</b>	<b>3,508.830</b>	<b>323,074,853</b>		<b>323,074,853</b>	
1	Xã Mường Mươn	1,198.115	989.180	91,349,709		91,349,709	
2	Xã Na Sang	743.048	605.830	55,526,743		55,526,743	
3	Xã Ma Thì Hồ	2,330.248	1,913.820	176,198,401		176,198,401	
<b>VII</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Nậm He</b>	<b>8,152.943</b>	<b>6,958.467</b>	<b>815,560,180</b>		<b>815,560,180</b>	
1	Xã Ma Thì Hồ	293.880	250.370	29,344,365		29,344,365	
2	Xã Huổi Lèng	401.658	325.330	38,129,977		38,129,977	
3	Xã Mường Tùng	4,507.315	3,840.137	450,079,431		450,079,431	
4	Ban QLPH huyện Mường Chà	2,950.090	2,542.630	298,006,407		298,006,407	
<b>VIII</b>	<b>Lưu vực NM nước TT Mường Chà</b>	<b>86.520</b>	<b>69.950</b>	<b>9,514,599</b>		<b>9,514,599</b>	
1	Thị trấn Mường Chà	86.520	69.950	9,514,599		9,514,599	
<b>Tổng cộng</b>				<b>25,705,675,667</b>	<b>11,201,808,275</b>	<b>14,503,867,392</b>	

**TỔNG HỢP TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ NĂM 2023****Cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên**

(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVR ngày tháng 5 năm 2024 của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lưu vực Sông Đà</b>	<b>10,239.751</b>	<b>8,703.120</b>	<b>5,473,862,634</b>	<b>2,327,862,684</b>	<b>3,145,999,950</b>	
1	Xã Mường Mươn	325.428	266.470	126,309,873		126,309,873	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần diện tích rừng giao theo KH 2783 ban hành Quyết định giao vào năm 2023 chưa bàn giao Quyết định và bản đồ về Quỹ.</li> <li>- Đối với phần diện tích rừng thu hồi từ bản Nậm Bó, xã Na Sang giao lại cho bản Pú Múa, xã Mường Mươn chưa điều chỉnh Quyết định.</li> <li>- Sai khác thông tin giữa Quyết định và bản đồ giao đất, giao rừng đối với phần diện tích giao theo KH 2783 ban hành Quyết định nam 2022.</li> <li>- Chủ rừng chưa mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền DVMTR.</li> </ul>
2	Xã Na Sang	15.592	12.880	5,857,066		5,857,066	
3	Thị trấn Mường Chà	0.709	0.570	362,293		362,293	
4	Xã Ma Thì Hồ	708.192	590.770	367,850,909	178,757,442	189,093,467	
5	Xã Sa Lông	91.299	76.540	48,648,900	814,914	47,833,986	
6	Xã Huổi Lèng	1,415.855	1,174.620	746,589,643	283,497,981	463,091,662	
7	Xã Mường Tùng	260.163	206.940	131,531,271		131,531,271	
8	Xã Sá Tổng	357.986	305.320	194,061,698		194,061,698	
9	Xã Pa Ham	288.373	247.090	157,050,651	87,009,885	70,040,766	
10	Xã Nậm Nèn	100.812	84.320	53,593,876		53,593,876	
11	Xã Huổi Mí	6,051.284	5,230.920	3,319,960,140	1,590,677,232	1,729,282,908	
12	Xã Hừa Ngải	624.058	506.680	322,046,314	187,105,230	134,941,084	
<b>II</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Trung Thu</b>	<b>8,278.953</b>	<b>7,076.690</b>	<b>448,955,846</b>		<b>448,955,846</b>	
1	Xã Mường Mươn	325.428	266.470	12,771,261		12,771,261	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản Mới, xã Mường Tùng. Bản Huổi Bon 1, Huổi Bon 2, Pa Ham 1, Pa Ham 2, xã Pa ham đã sáp nhập chủ rừng nhưng Quyết định chưa điều chỉnh.</li> <li>- Xã Huổi Mí Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà chưa kí xác nhận vào biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả năm 2023.</li> <li>- Chủ rừng tạm dừng để thống nhất lại số liệu chi trả theo quy định.</li> </ul>
2	Xã Na Sang	15.592	12.880	592,209		592,209	
3	Thị trấn Mường Chà	0.709	0.570	36,632		36,632	
4	Xã Ma Thì Hồ	707.638	590.320	37,179,169		37,179,169	
5	Xã Sa Lông	91.299	76.540	4,918,918		4,918,918	
6	Xã Sá Tổng	73.760	60.900	3,913,799		3,913,799	
7	Xã Pa Ham	288.373	247.090	15,879,486		15,879,486	
8	Xã Nậm Nèn	100.812	84.320	5,418,909		5,418,909	
9	Xã Hừa Ngải	624.058	506.680	32,562,296		32,562,296	
10	Xã Huổi Mí	6,051.284	5,230.920	335,683,167		335,683,167	
<b>III</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Nậm Mức</b>	<b>6,571.498</b>	<b>5,628.050</b>	<b>764,559,050</b>		<b>764,559,050</b>	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
1	Xã Mường Mươn	325.428	266.470	27,436,370		27,436,370	- Phần diện tích rừng giao theo KH 2783 ban hành Quyết định giao vào năm 2023 chưa bàn giao Quyết định và bản đồ về Quy. - Đối với phần diện tích rừng thu hồi từ bản Nậm Bó, xã Na Sang giao lại cho bản Pú Múa, xã Mường Mươn chưa điều chỉnh Quyết định.
2	Xã Na Sang	15.592	12.880	1,272,241		1,272,241	
3	Thị trấn Mường Chà	0.709	0.570	78,695		78,695	
4	Xã Ma Thì Hồ	707.638	590.320	79,891,648		79,891,648	
5	Xã Sa Lông	82.180	68.700	9,484,858		9,484,858	
6	Xã Huổi Mí	5,439.951	4,689.110	646,395,238		646,395,238	
<b>IV</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Long Tạo</b>	<b>3,613.903</b>	<b>3,105.930</b>	<b>452,504,280</b>		<b>452,504,280</b>	
1	Xã Mường Mươn	325.428	266.470	29,784,775		29,784,775	- Sai khác thông tin giữa Quyết định và bản đồ giao đất, giao rừng đối với phần diện tích giao theo KH 2783 ban hành Quyết định nam 2022. - Chủ rừng chưa mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền DVMTR.
2	Xã Na Sang	15.592	12.880	1,381,139		1,381,139	
3	Thị trấn Mường Chà	0.709	0.570	85,431		85,431	
4	Xã Ma Thì Hồ	707.638	590.320	86,708,012		86,708,012	
5	Xã Sa Lông	82.180	68.700	10,296,688		10,296,688	
6	Xã Huổi Mí	2,482.356	2,166.990	324,248,235		324,248,235	
<b>V</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Huổi Vang</b>	<b>984.905</b>	<b>816.020</b>	<b>48,640,719</b>		<b>48,640,719</b>	
1	Xã Mường Mươn	277.267	225.700	11,461,482		11,461,482	- Bản Mới, xã Mường Tùng. Bản Huổi Bon 1, Huổi Bon 2, Pa Ham 1, Pa Ham 2, xã Pa ham đã sáp nhập chủ rừng nhưng Quyết định chưa điều chỉnh.
2	Xã Ma Thì Hồ	707.638	590.320	37,179,237		37,179,237	
<b>VI</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Huổi Chan 1</b>	<b>904.998</b>	<b>750.670</b>	<b>66,374,455</b>		<b>66,374,455</b>	
1	Xã Mường Mươn	197.360	160.350	13,350,781		13,350,781	- Xã Huổi Mí Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà chưa kí xác nhận vào biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả năm 2023.
2	Xã Ma Thì Hồ	707.638	590.320	53,023,674		53,023,674	
<b>VII</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Nậm He</b>	<b>433.683</b>	<b>359.130</b>	<b>42,065,102</b>		<b>42,065,102</b>	
1	Xã Ma Thì Hồ	0.555	0.450	26,371		26,371	- Chủ rừng tạm dừng để thống nhất lại số liệu chi trả theo quy định.
2	Xã Huổi Lèng	375.205	310.730	36,418,799		36,418,799	
3	Xã Mường Tùng	57.923	47.950	5,619,932		5,619,932	
<b>Tổng cộng</b>				<b>7,296,962,086</b>	<b>2,327,862,684</b>	<b>4,969,099,402</b>	

**TỔNG HỢP TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ NĂM 2023**

**Cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên  
qua tài khoản NHCSXH huyện Mường Chà**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVR ngày tháng 5 năm 2024 của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)*

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lưu vực Sông Đà</b>	<b>27,353.951</b>	<b>22,949.177</b>	<b>14,586,520,161</b>	<b>8,242,443,146</b>	<b>6,344,077,015</b>	
1	Xã Mường Mươn	4,311.362	3,660.100	2,326,363,221	1,296,057,996	1,030,305,225	
2	Xã Na Sang	2,238.438	1,888.360	1,200,243,505	672,512,499	527,731,006	
3	Thị trấn Mường Chà	906.335	719.820	457,518,311	258,421,874	199,096,437	
4	Xã Ma Thì Hồ	1,979.554	1,630.850	1,036,569,891	583,815,714	452,754,177	
5	Xã Sa Lông	3,258.022	2,742.610	1,743,205,658	976,539,156	766,666,502	
6	Xã Huổi Lèng	3,590.013	2,953.550	1,877,279,333	1,070,721,201	806,558,132	
7	Xã Mường Tùng	6,150.276	5,219.217	3,317,339,857	1,905,865,992	1,411,473,865	
8	Xã Sá Tổng	2,816.602	2,381.270	1,513,537,592	844,816,239	668,721,353	
9	Xã Pa Ham	684.667	580.330	368,858,329	205,377,849	163,480,480	
10	Xã Nậm Nèn	1,252.457	1,032.730	656,404,220	376,386,624	280,017,596	
11	Xã Hừa Ngải	166.225	140.340	89,200,244	51,928,002	37,272,242	
<b>II</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Trung Thu</b>	<b>15,288.199</b>	<b>12,797.530</b>	<b>822,446,059</b>		<b>822,446,059</b>	
1	Xã Mường Mươn	4,311.362	3,660.100	235,219,987		235,219,987	
2	Xã Na Sang	2,238.438	1,888.360	121,357,344		121,357,344	
3	Thị trấn Mường Chà	906.335	719.820	46,259,953		46,259,953	
4	Xã Ma Thì Hồ	1,711.664	1,402.530	90,134,992		90,134,992	
5	Xã Sa Lông	3,241.510	2,729.230	175,396,693		175,396,693	
6	Xã Sá Tổng	775.540	644.090	41,393,087		41,393,087	
7	Xã Pa Ham	684.667	580.330	37,295,488		37,295,488	
8	Xã Nậm Nèn	1,252.457	1,032.730	66,369,425		66,369,425	
9	Xã Hừa Ngải	166.225	140.340	9,019,090		9,019,090	
<b>III</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Nậm Mực</b>	<b>11,759.026</b>	<b>9,847.050</b>	<b>1,359,503,417</b>		<b>1,359,503,417</b>	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
1	Xã Mường Mươn	4,311.362	3,660.100	505,320,726		505,320,726	
2	Xã Na Sang	2,238.438	1,888.360	260,710,759		260,710,759	
3	Thị trấn Mường Chà	906.335	719.820	99,379,789		99,379,789	
4	Xã Ma Thì Hồ	1,711.664	1,402.530	193,636,096		193,636,096	
5	Xã Sa Lông	2,467.403	2,071.110	285,941,589		285,941,589	
6	Xã Nậm Nèn	123.823	105.130	14,514,458		14,514,458	
<b>IV</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Long Tạo</b>	<b>11,635.203</b>	<b>9,741.920</b>	<b>1,460,109,230</b>		<b>1,460,109,230</b>	
1	Xã Mường Mươn	4,311.362	3,660.100	548,572,127		548,572,127	
2	Xã Na Sang	2,238.438	1,888.360	283,025,510		283,025,510	
3	Thị trấn Mường Chà	906.335	719.820	107,885,901		107,885,901	
4	Xã Ma Thì Hồ	1,711.664	1,402.530	210,209,796		210,209,796	
5	Xã Sa Lông	2,467.403	2,071.110	310,415,896		310,415,896	
<b>V</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Huổi Vang</b>	<b>4,246.645</b>	<b>3,499.190</b>	<b>224,906,937</b>		<b>224,906,937</b>	
1	Xã Mường Mươn	1,892.522	1,572.440	101,067,008		101,067,008	
2	Xã Na Sang	642.458	524.220	33,693,716		33,693,716	
3	Xã Ma Thì Hồ	1,711.664	1,402.530	90,146,213		90,146,213	
<b>VI</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Huổi Chan 1</b>	<b>3,547.897</b>	<b>2,912.410</b>	<b>266,934,029</b>		<b>266,934,029</b>	
1	Xã Mường Mươn	1,193.775	985.660	90,339,682		90,339,682	
2	Xã Na Sang	642.458	524.220	48,046,860		48,046,860	
3	Xã Ma Thì Hồ	1,711.664	1,402.530	128,547,487		128,547,487	
<b>VII</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Nậm He</b>	<b>4,931.201</b>	<b>4,190.147</b>	<b>491,102,002</b>		<b>491,102,002</b>	
1	Xã Ma Thì Hồ	267.890	228.320	26,760,017		26,760,017	
2	Xã Huổi Lèng	346.948	281.020	32,936,668		32,936,668	
3	Xã Mường Tùng	4,316.363	3,680.807	431,405,317		431,405,317	
<b>VIII</b>	<b>Lưu vực NM nước TT Mường Chà</b>	<b>83.267</b>	<b>67.450</b>	<b>9,174,549</b>		<b>9,174,549</b>	
1	Thị trấn Mường Chà	83.267	67.450	9,174,549		9,174,549	
<b>Tổng cộng</b>				<b>19,220,696,384</b>	<b>8,242,443,146</b>	<b>10,978,253,238</b>	

**TỔNG HỢP TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ NĂM 2023**

**Cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên  
qua tài khoản kho bạc nhà nước huyện Mường Chà**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-QBVR ngày tháng 5 năm 2024 của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)*

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lưu vực Sông Đà</b>	<b>2,118.319</b>	<b>1,757.795</b>	<b>1,096,942,674</b>	<b>633,303,306</b>	<b>463,639,368</b>	
1	UBND xã Mường Mươn	134.802	112.295	58,125,923	40,443,000	17,682,923	
2	UBND xã Na Sang	327.371	273.970	172,543,428	98,211,621	74,331,807	
3	UBND thị trấn Mường Chà	97.020	76.540	48,648,901	27,650,814	20,998,087	
4	UBND xã Ma Thì Hồ	215.438	176.470	106,691,992	64,574,100	42,117,892	
5	UBND xã Sa Lông	192.830	162.700	103,412,283	57,404,700	46,007,583	
6	UBND xã Huổi Lèng	399.460	326.070	207,250,418	119,832,900	87,417,518	
7	UBND xã Mường Tùng	267.340	223.710	142,190,300	80,202,000	61,988,300	
8	UBND xã Sá Tổng	409.090	344.970	219,263,277	122,586,300	96,676,977	
9	UBND xã Pa Ham	8.210	6.400	4,067,846	2,370,300	1,697,546	
10	UBND xã Nậm Nèn	49.076	40.210	25,557,516	14,722,788	10,834,728	
11	UBND xã Hừa Ngải	17.683	14.460	9,190,790	5,304,783	3,886,007	
<b>II</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Trung Thu</b>	<b>1,085.079</b>	<b>898.295</b>	<b>55,675,903</b>		<b>55,675,903</b>	
1	UBND xã Mường Mươn	134.802	112.295	5,877,145		5,877,145	
2	UBND xã Na Sang	327.371	273.970	17,445,969		17,445,969	
3	UBND thị trấn Mường Chà	97.020	76.540	4,918,920		4,918,920	
4	UBND xã Ma Thì Hồ	189.448	154.420	9,370,625		9,370,625	
5	UBND xã Sa Lông	192.830	162.700	10,456,078		10,456,078	
6	UBND xã Sá Tổng	68.640	57.300	3,682,442		3,682,442	
7	UBND xã Pa Ham	8.210	6.400	411,302		411,302	
8	UBND xã Nậm Nèn	49.076	40.210	2,584,136		2,584,136	
9	UBND xã Hừa Ngải	17.683	14.460	929,286		929,286	
<b>III</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Nậm Múc</b>	<b>915.751</b>	<b>759.275</b>	<b>100,414,604</b>		<b>100,414,604</b>	

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Tổng số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)	Ghi chú
1	UBND xã Mường Mươn	134.802	112.295	12,625,811		12,625,811	
2	UBND xã Na Sang	327.371	273.970	37,479,001		37,479,001	
3	UBND thị trấn Mường Chà	97.020	76.540	10,567,265		10,567,265	
4	UBND xã Ma Thì Hồ	189.448	154.420	20,130,820		20,130,820	
5	UBND xã Sa Lông	166.190	141.290	19,506,780		19,506,780	
6	UBND xã Nậm Nèn	0.920	0.760	104,927		104,927	
<b>IV</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Long Tạo</b>	<b>914.831</b>	<b>758.515</b>	<b>108,895,415</b>		<b>108,895,415</b>	
1	UBND xã Mường Mươn	134.802	112.295	13,706,501		13,706,501	
2	UBND xã Na Sang	327.371	273.970	40,686,905		40,686,905	
3	UBND thị trấn Mường Chà	97.020	76.540	11,471,739		11,471,739	
4	UBND xã Ma Thì Hồ	189.448	154.420	21,853,866		21,853,866	
5	UBND xã Sa Lông	166.190	141.290	21,176,404		21,176,404	
<b>V</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Huổi Vang</b>	<b>341.647</b>	<b>278.180</b>	<b>16,410,438</b>		<b>16,410,438</b>	
1	UBND xã Mường Mươn	51.609	42.150	1,793,245		1,793,245	
2	UBND xã Na Sang	100.590	81.610	5,245,401		5,245,401	
3	UBND xã Ma Thì Hồ	189.448	154.420	9,371,792		9,371,792	
<b>VI</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Huổi Chan 1</b>	<b>312.890</b>	<b>254.550</b>	<b>21,853,980</b>		<b>21,853,980</b>	
1	UBND xã Mường Mươn	22.852	18.520	1,010,027		1,010,027	
2	UBND xã Na Sang	100.590	81.610	7,479,883		7,479,883	
3	UBND xã Ma Thì Hồ	189.448	154.420	13,364,070		13,364,070	
<b>VII</b>	<b>Lưu vực NM thủy điện Nậm He</b>	<b>266.880</b>	<b>222.020</b>	<b>26,021,632</b>		<b>26,021,632</b>	
1	UBND xã Ma Thì Hồ	25.990	22.050	2,584,348		2,584,348	
2	UBND xã Huổi Lèng	54.710	44.310	5,193,309		5,193,309	
3	UBND xã Mường Tùng	186.180	155.660	18,243,975		18,243,975	
<b>VIII</b>	<b>Lưu vực NM nước TT Mường Chà</b>	<b>3.253</b>	<b>2.500</b>	<b>340,050</b>		<b>340,050</b>	
1	UBND thị trấn Mường Chà	3.253	2.500	340,050		340,050	
<b>Tổng cộng</b>				<b>1,426,554,696</b>	<b>633,303,306</b>	<b>793,251,390</b>	



Số: /TB-QBVR

Điện Biên, ngày tháng 5 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch chi và dự toán chi quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi phí quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Văn bản số 185/UBND-KTN ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh Điện Biên về việc áp dụng hệ số K thành phần trong chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND, ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, về việc điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng đối với số tiền chưa xác định được đối tượng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng từ năm 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 221/TB-QBVR ngày 20/5/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên về việc thông báo tiền chi trả bình quân 01 ha rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng lưu vực Sông Đà, Sông Mã năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Thông báo số 222/TB-QBVR ngày 20/5/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên về việc thông báo tiền chi trả bình quân 01 ha rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng thuộc lưu vực nội tỉnh năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Trên cơ sở biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, có xác nhận của Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm và UBND các xã, thị trấn huyện Mường Chà.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông báo thanh toán tiền chi trả DVMTR năm 2023 lưu vực Sông Đà, lưu vực nội tỉnh cho chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng bản, tổ chức khác và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mường Chà, cụ thể như sau:

### **1. Thời gian, hình thức chi trả**

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chuyển tiền thanh toán tiền chi trả DVMTR năm 2023 qua tài khoản ngân hàng cho các chủ rừng; thời gian chuyển tiền trong tháng 5 năm 2024.

### **2. Tổng diện tích rừng được chi trả DVMTR**

- Lưu vực Sông Đà: Diện tích cung ứng 47.563,38 ha; diện tích quy đổi 40.134,56 ha.
- Lưu vực nhà máy thủy điện Trung Thu: Diện tích cung ứng 29.179,31 ha; diện tích quy đổi 24.662,12 ha.
- Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Múc: Diện tích cung ứng 19.723,74 ha; diện tích quy đổi 16.631,30 ha.
- Lưu vực nhà máy thủy điện Long Tạo: Diện tích cung ứng 16.641,40 ha; diện tích quy đổi 14.003,29 ha.
- Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi vang: Diện tích cung ứng 5.967,14 ha; diện tích quy đổi 4.921,76 ha.
- Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Chan 1: Diện tích cung ứng 5.176,41 ha; diện tích quy đổi 4.259,50 ha.
- Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He: Diện tích cung ứng 8.586,63 ha; diện tích quy đổi 7.317,60 ha.
- Lưu vực nhà máy nước thị trấn Mường Chà: Diện tích cung ứng 86,52 ha; diện tích quy đổi 69,95 ha.

**3. Tổng số tiền được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 là: 33.002.637.753 đồng, trong đó:**

#### **3.1. Lưu vực Sông Đà**

- Số tiền đã tạm ứng: 13.529.670.959 đồng
- Số tiền còn lại thanh toán: 8.796.476.445 đồng
- Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 3.145.999.950 đồng

#### **3.2. Lưu vực nhà máy thủy điện Trung Thu**

- Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 1.132.210.448 đồng
- Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 448.955.846 đồng

#### **3.3. Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Múc**

- Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 1.523.567.368 đồng
- Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 764.559.050 đồng

#### **3.4. Lưu vực nhà máy thủy điện Long Tạo**

- Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 1.638.101.863 đồng
- Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 452.504.280 đồng

### **3.5. Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Vang**

- Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 265.361.636 đồng
- Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 48.640.719 đồng

### **3.6. Lưu vực nhà máy thủy điện Huổi Chan 1**

- Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 323.074.853 đồng
- Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 66.374.455 đồng

### **3.7. Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He**

- Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 815.560.180 đồng
- Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 42.065.102 đồng

### **3.8. Lưu vực nhà máy nước thị trấn Mường Chà**

- Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 9.514.599 đồng

*(Có biểu 01, 02 chi tiết kèm theo)*

## **4. Lý do các chủ rừng chưa đủ điều kiện chi trả thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023**

- Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà chưa ký xác nhận biểu tổng hợp diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 theo mẫu biểu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (60 chủ rừng).

- Đối với diện tích rừng giao theo Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh, UBND huyện Mường Chà ban hành Quyết định giao đất, giao rừng vào năm 2023 nhưng chưa bàn giao Quyết định và bản đồ giao đất, giao rừng về Quỹ (161 chủ rừng); thống nhất lại số liệu diện tích rừng được chi trả năm 2023 theo quy định (02 chủ rừng).

- Đối với phần diện tích rừng thu hồi từ bản Nậm Bó, xã Na Sang giao lại cho bản Pú Múa, xã Mường Mươn chưa điều chỉnh Quyết định.

- Sai khác thông tin giữa Quyết định và bản đồ giao đất, giao rừng đối với phần diện tích rừng giao theo Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh, UBND huyện ban hành Quyết định giao đất, giao rừng năm 2022 (34 chủ rừng).

- Chủ rừng chưa mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền DVMTR (223 chủ rừng).

- Bản Mới, xã Mường Tùng; Bản Huổi Bon 1, Huổi Bon 2, Pa Ham 1, Pa Ham 2, xã Pa ham đã sáp nhập chủ rừng nhưng chưa điều chỉnh quyết định.

- Bản Huổi Mí, xã Ma Thì Hồ; bản Xà Phình 1, Xà Phình 2 xã Sá Tổng; bản Hồ Cút xã Nậm Nèn; bản Pa Xoan 1, Pa Xoan 2 xã Huổi Mí sai tên chủ rừng (đối với phần diện tích giao theo KH 2783, quyết định giao năm 2022).

## **5. Đề xuất, kiến nghị**

- **Đề nghị UBND huyện Mường Chà:** Chỉ đạo các phòng chuyên môn sớm bàn giao các quyết định và bản đồ giao đất, giao rừng theo KH 2783 ban hành năm 2023, 2024 về Quỹ; tham mưu chỉnh sửa các sai khác thông tin, tên chủ rừng giữa quyết định và bản đồ giao đất, giao rừng.

**- Đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà:** Để đảm bảo điều kiện chi trả tiền DVMTR năm 2023 cho các chủ rừng trên địa bàn xã Huổi Mí theo quy định tại mẫu biểu số 01 Phụ lục V, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, đề nghị Hạt Kiểm lâm huyện sớm có văn bản nhất trí với số liệu diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023 theo Biên bản thống nhất ngày 12/3/2024 giữa UBND xã Huổi Mí, Kiểm lâm phụ trách địa bàn xã, Quỹ tỉnh và các chủ rừng và ký xác nhận vào biểu 01 của xã (Quỹ tỉnh chỉ thực hiện chi trả tiền DVMTR năm 2023 cho các chủ rừng của xã Huổi Mí khi Hạt Kiểm lâm huyện có văn bản nhất trí số liệu và ký xác nhận vào biểu tổng hợp diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR năm 2023).

**- Đề nghị UBND các xã/thị trấn:**

+ Niêm yết công khai thông báo lên "Bảng thông báo chính sách chi trả DVMTR" tại UBND xã/thị trấn; thông báo đến các chủ rừng (qua trưởng bản) số tiền DVMTR năm 2023;

+ Thông báo chi trả tới các chủ rừng nhận tiền DVMTR khi Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện có kế hoạch chi trả trong ngày giao dịch tại UBND xã, thị trấn;

+ Phát biểu thông báo số tiền chi trả DVMTR năm 2023 của từng chủ rừng thuộc địa bàn xã tại UBND cấp xã, thị trấn cho các Trưởng bản (tổ trưởng tổ dân phố) để nhận về, phát cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thuộc Bản (khi phát cho các trưởng bản, UBND cấp xã/thị trấn cho ký nhận, ghi rõ họ tên, chức vụ vào danh sách người nhận biểu thông báo số tiền chi trả DVMTR năm 2023 theo mẫu biểu kèm theo) để giúp cho các chủ rừng nắm bắt, theo dõi được diện tích, số tiền được chi trả tiền DVMTR của mình trong năm và gửi lại danh sách ký nhận biểu thông báo tiền về Quỹ để theo dõi, tổng hợp; thời gian: Chậm nhất sau 01 tháng từ khi có thông báo số tiền chi trả DVMTR của Quỹ.

+ Đôn đốc các chủ rừng chưa mở tài khoản khẩn trương mở tài khoản để nhận tiền DVMTR;

**- Đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện:** Thông báo kế hoạch, thời gian chi trả tiền DVMTR năm 2023 cho các chủ rừng; tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền các chủ rừng mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền (đối với các chủ rừng chưa mở tài khoản).

**- Đề nghị các chủ rừng:**

+ Đối với chủ rừng là tổ chức (Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà) căn cứ số tiền theo thông báo, xây dựng giấy đề nghị chuyển tiền gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

+ Đối với các chủ rừng có tài khoản của Ngân hàng chính sách xã hội, nhận tiền DVMTR tại trụ sở UBND xã/thị trấn trong ngày giao dịch của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, nhận tiền khi ngân hàng có thông báo chi trả. Đối với các chủ rừng mở tài khoản Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT (Agribank), Ngân hàng Bưu điện Liên Việt (LPbank) chủ động rút tiền tại các điểm giao dịch của ngân hàng.

+ Đối với UBND các xã/thị trấn chuẩn bị thủ tục theo quy định nhận tiền DVMTR tại Kho Bạc Nhà nước huyện Mường Chà.

+ Đối với các chủ rừng chưa mở tài khoản Ngân hàng nhận tiền chi trả DVMTR, khẩn trương làm thủ tục mở tài khoản để nhận tiền DVMTR.

***Mọi khó khăn, vướng mắc xin liên hệ đường dây nóng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, số điện thoại liên hệ: 0326.771.661***

Trên đây là thông báo thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà. Đề nghị các chủ rừng và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Mường Chà;
- P.CT UBND huyện (phụ trách NLN);
- Ban Kiểm soát Quỹ;
- Ban Giám đốc Quỹ;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà;
- Kho Bạc Nhà nước huyện Mường Chà;
- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Mường Chà (p/h);
- UBND các xã, thị trấn huyện Mường Chà;
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, địa chỉ:  
<http://fpdf.dienbien.gov.vn>;
- Lưu: VT, KH-KT.

b/c

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Xuân Tâm**